

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT

Ngày: 10/9/2024

“Về tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân, bà Đoàn Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mùi Nái- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLPT-KDTM ngày 01/8/2024 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần C1.

Địa chỉ trụ sở: Khu đô thị T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Đắc C- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Bị đơn: Công ty TNHH T.

Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S- Giám đốc.

Tại phiên tòa có mặt ông C, ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày: Năm 2015- 2016, Công ty cổ phần C1 (viết tắt: C1) nhiều lần thực hiện san lấp mặt bằng ở các tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh theo yêu cầu của CT TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu S1 (viết tắt: S1). Khi chốt hóa đơn thuế thì hai bên sẽ chốt khối lượng thi công và ký hợp đồng. Ngày 07/5/2020, hai bên chốt khối lượng thi công và xác định tổng số tiền CT Sâm

Nam chưa thanh toán cho **C1** là 1.596.407.831đ. Mặc dù đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến nay CT Sâm Nam chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy **C1** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc **S1** phải thanh toán cho CT **Chí L** số tiền 1.596.407.831đ và tiền lãi từ ngày 08/5/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1%/tháng.

*Quá trình làm việc với Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện bị đơn trình bày:* Khoảng năm 2016, **S1** ký hợp đồng thuê **C1** thực hiện san lấp mặt bằng. Ngày 07/5/2020, hai bên chốt khối lượng thi công và xác định số tiền CT Sâm Nam chưa thanh toán cho **C1** là 1.596.407.831đ. CT Sâm Nam nhất trí với yêu cầu khởi kiện của CT **Chí L** nhưng hiện việc kinh doanh của **S1** gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng để thực hiện ngay nghĩa vụ thanh toán cho **C1**. **S1** đề nghị khi nào công ty đòi được những khoản nợ khác thì sẽ thực hiện việc thanh toán cho **C1**.

**Tại Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST** ngày 28/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh căn cứ khoản 2 Điều 515, 519, 351, 357 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử buộc **S1** phải trả cho **C1** số tiền 1.907.536.782đ gồm 1.596.407.831đ tiền gốc và 311.128.951đ tiền lãi. Kể từ ngày 29/5/2024, **S1** phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 11/6/2024, đại diện bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 1.596.407.831đ và tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 1.281.807.831đ từ ngày 08/5/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 1%/tháng; tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi của số tiền 314.600.000đ.

Đại diện bị đơn xác nhận tổng số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.596.407.831đ. Tuy nhiên theo thỏa thuận tại Hợp đồng thi công xây lắp ngày 02/01/2017 đã ký giữa hai bên thì nghĩa vụ thanh toán của bị đơn phát sinh sau khi nguyên đơn đã xuất đủ hóa đơn GTGT. Do nguyên đơn chưa xuất hóa đơn GTGT đối với số tiền chưa thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp



dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn*:

[2.1] Trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định CT **Chí L** đã tiến hành thi công san lấp mặt bằng cho CT Sâm Nam ở nhiều địa điểm khác nhau của tỉnh Bắc Giang, tỉnh Quảng Ninh và tổng số tiền CT Sâm Nam chưa thanh toán cho **C2** đến ngày 07/5/2020 là 1.596.407.831đ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp bản Hợp đồng thi công xây lắp số 02.01/2017/HĐXD ngày 02/01/2017 ký giữa hai công ty ghi nhận nội dung: “*Điều kiện để Bên B được thanh toán là hồ sơ hoàn công và biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện, hóa đơn GTGT. Thời gian thanh toán: Sau khi nhận được hồ sơ thanh toán của bên B, bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B trong vòng 5 ngày làm việc*”. Bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa xuất hóa đơn GTGT đối với phần giá trị chưa thanh toán nên chưa làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn với nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thi công xây lắp ngày 02/01/2017 quy định việc san lấp mặt bằng được thực hiện tại **thành phố M, tỉnh Quảng Ninh** nhưng các đương sự đều không xác định được số tiền 1.596.407.831đ bị đơn chưa thanh toán là giá trị thi công ở địa điểm nào. Tài liệu là “*Bảng khối lượng thi công*” ngày 07/10/2016 thể hiện việc san lấp mặt bằng tại **thành phố M** được thực hiện trước khi hai bên ký Hợp đồng thi công xây lắp ngày 02/01/2017. Mặt khác tại “*Bảng tổng hợp khối lượng thi công*” ngày 07/5/2020 thể hiện nguyên đơn đã trừ cho bị đơn số tiền thuế đối với phần giá trị thi công chưa thanh toán. Tại Điều 87 Luật thương mại quy định: “*Trường hợp không có thỏa thuận và giữa các bên không có bất kỳ thói quen nào về việc thanh toán thì thời hạn thanh toán là thời điểm việc cung ứng dịch vụ được hoàn thành*”. Vì vậy nghĩa vụ thanh toán của bị đơn phát sinh từ thời điểm các bên chốt và bàn giao khối lượng thi công vào ngày 07/10/2016. Việc chưa xuất hóa đơn GTGT không phải là căn cứ loại trừ nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Do đó cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.596.407.831đ là phù hợp.

[2.2] Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu được thanh toán tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận mức lãi suất do chậm thanh toán là 0,4%/tháng là tự nguyện và được chấp nhận nên cần

giữ nguyên mức lãi suất này. Tuy nhiên trong tổng số tiền chưa thanh toán có bao gồm số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 07/5/2020 là 168.000.000đ và số tiền nợ chưa thanh toán là 146.600.000đ. Đây không phải là giá trị khối lượng thi công bị đơn chậm thanh toán nên không phải chịu lãi do chậm thanh toán. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với các khoản tiền trên. Do đó Hội đồng xét xử xác định lại số tiền chậm thanh toán phải chịu lãi = 1.596.407.831đ – 168.000.000đ – 146.600.000đ = 1.281.807.831đ. Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 08/5/2020 đến ngày 28/5/2024 (ngày xét xử sơ thẩm vụ án) =  $\{(1.281.807.831đ \times 0,4\%/tháng) : 30 \text{ ngày}\} \times 1.482 \text{ ngày} = 253.285.300đ$  (làm tròn). Bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 0,4%/tháng.

[2.3] Như vậy tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 28/5/2024 = 1.596.407.831đ + 253.285.300đ = 1.849.693.131đ.

[3] Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ thanh toán của bị đơn nên Hội đồng xét xử quyết định lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 306 Luật thương mại; các Điều 515, 518 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1. Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty cổ phần C1 tổng số tiền là 1.849.693.131đ (một tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm ba mươi một đồng) gồm: Giá trị khối lượng thi công chưa thanh toán là 1.281.807.831đ; số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày



07/5/2020 là 168.000.000đ; số tiền lãi cho chậm thanh toán từ ngày 08/5/2020 đến ngày 28/5/2024 là 253.285.300đ và số tiền nợ là 146.600.000đ.

Kể từ ngày 29/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 1.281.807.831đ theo mức lãi suất thỏa thuận là 0,4%/tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 146.600.000đ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Công ty TNHH T phải chịu 67.490.800đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0004039 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Hoàn trả Công ty cổ phần CI số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.946.117đ theo biên lai số 0003938 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**Quách Thị Phương Thúy**